

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG HỖ TRỢ GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO HỌC SINH CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phí Thị Quỳnh Trang, Dương Thị Trang, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa
Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

Tóm tắt: Nghiên cứu tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại ba trường tiểu học trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Bằng cách kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng (khảo sát 60 cán bộ, giáo viên) và định tính (phỏng vấn sâu, quan sát lớp học và phân tích hồ sơ học sinh), bài viết phân tích cụ thể mức độ thực hiện 5 tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập: Đáp ứng nhu cầu học sinh; Chất lượng môi trường học tập; Năng lực chuyên môn và phối hợp liên ngành; Tổ chức quản lý hoạt động và tính hiệu quả thực tiễn. Kết quả cho thấy các tiêu chí: Hỗ trợ học tập và cải thiện hành vi học sinh được đánh giá cao, năng lực nhân sự chuyên môn, cơ sở vật chất và cơ chế phối hợp còn nhiều hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp: Chuẩn hóa mô hình tổ chức, bổ sung nguồn lực chuyên biệt, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và thiết lập khung đánh giá hiệu quả tại cấp cơ sở. Kết quả nghiên cứu mang tính ứng dụng cao, góp phần làm rõ thực trạng triển khai giáo dục hòa nhập trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Từ khóa: Đánh giá hiệu quả; học sinh có nhu cầu đặc biệt; giáo dục hòa nhập; giải pháp nâng cao hiệu quả; phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

Nhận bài ngày 28.5.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 25.07.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Quỳnh Hoa; Email: ntqhoa@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục hòa nhập (Inclusive Education – IE) (GDHN) hiện đang được xem là một định hướng cốt lõi trong tiến trình đổi mới giáo dục toàn cầu. Không chỉ mang tính nhân văn sâu sắc, GDHN còn góp phần thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng học sinh, đặc biệt là trẻ em có nhu cầu đặc biệt (NCĐB). Theo Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em (UNICEF, 1989), mọi trẻ em đều có quyền được học tập trong môi trường giáo dục chất lượng, không phân biệt điều kiện cá nhân hay hoàn cảnh xuất thân [1].

Tại Việt Nam, cùng với sự phát triển của khung pháp lý như Luật Người khuyết tật (2010), Luật Trẻ em (2016) và Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT về GDHN, Thông tư 20/2022/TT-BGDĐT ngày 26/12/2022 ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN; Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 phê duyệt “Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Hệ thống giáo dục đang từng bước tích hợp các yếu tố hỗ trợ nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của học sinh có nhu cầu NCĐB. Trong đó, phòng hỗ trợ GDHN như một cấu trúc trung gian cần thiết giữa hệ thống quản lý – dạy học – chăm sóc chuyên biệt, đóng vai trò là “trung tâm điều phối” các hoạt động đánh giá, xây dựng kế hoạch cá nhân hóa (IEP), hỗ trợ trị liệu và tư vấn chuyên sâu [2], [3].

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai mô hình này tại các trường tiểu học – đặc biệt ở khu vực đô thị phát triển như quận Cầu Giấy, Hà Nội – vẫn bộc lộ nhiều bất cập: thiếu nhân lực chuyên môn, thiết bị hỗ trợ chưa đầy đủ, nhận thức xã hội còn hạn chế, và đặc biệt là sự thiếu vắng các quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động một cách hệ thống. Trong bối cảnh nhu cầu hỗ trợ học sinh NCĐB ngày

càng tăng, bài viết tập trung nghiên cứu và đánh giá hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn có giá trị thực tiễn cao, nhằm định hướng chính sách, cải tiến mô hình và nâng cao chất lượng giáo dục tại các cơ sở giáo dục hòa nhập.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận về phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho học sinh có nhu cầu đặc biệt

2.1.1. Khái niệm học sinh có nhu cầu đặc biệt, giáo dục hòa nhập và phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập

Học sinh có NCĐB là những học sinh gặp khó khăn trong học tập và phát triển do các yếu tố khuyết tật về trí tuệ, thể chất, giác quan, cảm xúc – hành vi hoặc do hoàn cảnh xã hội đặc biệt như trẻ mồ côi, bị bỏ rơi, hoặc mắc bệnh mãn tính. Theo UNICEF (1989), mọi trẻ em – bao gồm cả trẻ khuyết tật – đều có quyền được học tập trong môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng cá nhân [1].

GDHN là một phương thức giáo dục nhằm đảm bảo mọi học sinh, bao gồm cả học sinh có NCĐB, được tham gia học tập trong cùng một môi trường với những điều chỉnh cần thiết về nội dung, phương pháp, đánh giá và hỗ trợ. Mục tiêu là phát triển toàn diện năng lực cá nhân, khắc phục rào cản học tập và tăng cường cơ hội hòa nhập xã hội [2], [4].

Trong bối cảnh đó, phòng hỗ trợ GDHN được xây dựng nhằm thực hiện các chức năng: đánh giá học sinh có NCĐB, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP), hỗ trợ trị liệu, tư vấn tâm lý, cung cấp học liệu đặc thù và phối hợp với các lực lượng liên ngành để hỗ trợ toàn diện cho học sinh [3].

2.1.2. Khung pháp lý và nội dung tổ chức phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập

Tại Việt Nam, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT quy định rõ trách nhiệm tổ chức GDHN cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục phổ thông, bao gồm việc bố trí phòng hỗ trợ với không gian, trang thiết bị, nhân lực và hoạt động phù hợp [5]. Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT, ban hành ngày 26/12/2022, nêu rõ các chức năng, nhân sự và cơ sở vật chất cần có tại trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, bao gồm tư vấn phương pháp hỗ trợ, tổ chức can thiệp và điều chỉnh chương trình học, cùng với đội ngũ giáo viên, chuyên viên hỗ trợ và cán bộ tâm lý [6]. Quyết định số 403/QĐ-TTg (25/02/2025) phê duyệt quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt, định hướng phát triển đến năm 2030, yêu cầu 100% tỉnh/thành phố có trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN công lập. Quyết định đã hướng dẫn cụ thể về tổ chức hoạt động GDHN cho học sinh khuyết tật trong các cơ sở giáo dục. Đối tượng gồm học sinh khuyết tật, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh. Nguyên tắc GDHN: Tôn trọng sự khác biệt, đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục và bình đẳng trong học tập. Chương trình giáo dục: Có thể điều chỉnh linh hoạt theo năng lực cá nhân học sinh, đảm bảo tính khả thi và phát triển toàn diện. Hồ sơ giáo dục cá nhân: Yêu cầu xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) cho từng học sinh khuyết tật. Đánh giá: Áp dụng hình thức đánh giá riêng phù hợp với từng mức độ khuyết tật, có thể khác so với học sinh không khuyết tật. Điều kiện vật chất: Cơ sở giáo dục phải đảm bảo điều kiện tiếp cận: phòng học, thiết bị hỗ trợ, tài liệu học tập,... [7].

Nội dung tổ chức phòng hỗ trợ GDHN được quy định tại khoản 2, điều 6, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT: Hỗ trợ người khuyết tật bổ sung kiến thức, phát triển kỹ năng đặc thù để học hòa nhập có hiệu quả; Tư vấn, hỗ trợ các biện pháp, kỹ năng GDHN cho giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật và gia đình người khuyết tật; Tư vấn dịch vụ hỗ trợ GDHN và định hướng nghề nghiệp cho người khuyết tật. Cơ sở giáo dục phối hợp với trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, các tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động hỗ trợ người khuyết tật tại phòng hỗ trợ GDHN đạt hiệu quả. Như vậy, theo quy định trên thì phòng hỗ trợ GDHN đối với người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục có các thiết bị hỗ trợ đặc thù, học liệu, công cụ xác định mức độ phát triển cá nhân của người khuyết tật để tổ chức các hoạt động nhằm phát triển khả năng của người khuyết tật [5].

2.1.3. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập

Để đánh giá hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN, nghiên cứu dựa trên một số tiêu chí cốt lõi được nhiều học giả và tổ chức quốc tế khuyến nghị:

Mức độ đáp ứng nhu cầu học sinh: bao gồm khả năng phát hiện sớm, thiết kế IEP phù hợp, hỗ trợ học tập và trị liệu đúng dạng tật [4], [8].

Chất lượng môi trường học tập: phản ánh tính linh hoạt, thân thiện, khuyến khích học sinh tương tác và phát triển toàn diện [9].

Tính chuyên môn và liên ngành trong phối hợp: thể hiện ở khả năng kết nối giữa giáo viên, phụ huynh, chuyên gia tâm lý, y tế học đường và cộng đồng [4].

Hiệu quả tổ chức hoạt động và quản lý: bao gồm năng lực lập kế hoạch, triển khai can thiệp, giám sát và đánh giá tiến bộ học sinh [2].

Ngoài ra, một số khuyến nghị từ quốc tế nhấn mạnh đến vai trò của đa trí tuệ trong hỗ trợ học sinh khuyết tật – tức việc khai thác các loại hình trí thông minh khác nhau để cá nhân hóa phương pháp dạy học và trị liệu [9].

Nhóm nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ GDHN như sau:

Bảng 1: Tiêu chí đánh giá hiệu quả phòng hỗ trợ GDHN cho học sinh có NCDB

Tiêu chuẩn	Tiêu chí đánh giá	Chỉ báo cụ thể (biểu hiện)	Mức độ đánh giá				
			Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1. Đáp ứng nhu cầu của học sinh có nhu cầu đặc biệt	1.1 Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP)	Có IEP cho từng học sinh, thực hiện đúng tiến độ và có cập nhật định kỳ					
	1.2 Hỗ trợ học tập phù hợp	Có tài liệu điều chỉnh, hỗ trợ trong lớp, hỗ trợ nhóm nhỏ					
2. Chất lượng môi trường học tập hòa nhập	2.1 Cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp	Có phòng chức năng, thiết bị trị liệu, công cụ hỗ trợ cá nhân					
	2.2 Không gian hỗ trợ thân thiện, an toàn	Sắp xếp lớp học linh hoạt, không gian riêng biệt phù hợp					
	2.3. Môi trường tâm lý an toàn	Xây dựng và thực hiện Vòng tay bạn bè phù hợp					
3. Năng lực chuyên môn và phối hợp liên ngành	3.1 Nhân sự chuyên trách và được đào tạo về giáo dục hòa nhập	Có chuyên viên trị liệu, giáo viên hỗ trợ, được bồi dưỡng định kỳ					
	3.2 Phối hợp giữa giáo viên, phụ huynh, chuyên gia	Tổ chức họp IEP, phối hợp hỗ trợ liên ngành					
4. Tổ chức và quản lý hoạt động phòng hỗ trợ	4.1 Có quy trình vận hành rõ ràng, hệ thống biểu mẫu đầy đủ	Quy trình phát hiện – can thiệp – theo dõi được áp dụng thống nhất					
	4.2 Theo dõi và đánh giá tiến độ học sinh	Có sổ theo dõi, nhật ký can thiệp, tổng hợp định kỳ					
5. Tính hiệu quả và tác động thực tiễn	5.1 Cải thiện kết quả học tập và hành vi của học sinh	Có minh chứng từ hồ sơ học tập, đánh giá định kỳ					
	5.2 Tăng cường năng lực sư phạm hòa nhập cho giáo viên	Giáo viên chủ nhiệm cảm thấy tự tin, chủ động hơn khi dạy trẻ có nhu cầu đặc biệt					

2.2. Kết quả nghiên cứu hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại trường tiểu học trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

2.2.1. Khái quát quá trình khảo sát

a. Mục đích khảo sát thực trạng

Đánh giá một cách toàn diện và có hệ thống hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN cho học sinh có NCĐB tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Cầu Giấy, Hà Nội. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN phù hợp với điều kiện thực tiễn giáo dục tiểu học đô thị hiện nay.

b. Nội dung khảo sát

Tập trung khảo sát các nội dung: 05 tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN gồm: Đáp ứng nhu cầu của học sinh có nhu cầu đặc biệt; Chất lượng môi trường học tập hòa nhập; Năng lực chuyên môn và phối hợp liên ngành; Tổ chức và quản lý hoạt động phòng hỗ trợ; Tính hiệu quả và tác động thực tiễn.

c. Phương pháp khảo sát

Đề đảm bảo tính khách quan và khoa học, nghiên cứu sử dụng kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và định tính:

Phương pháp định lượng: Khảo sát bằng bảng hỏi, thực hiện với 60 cán bộ quản lý và giáo viên đang công tác tại ba trường tiểu học trên địa bàn quận Cầu Giấy (Trường Tiểu học Dịch Vọng A, Trường Tiểu học Dịch Vọng B, Trường Liên cấp Academy).

Phương pháp định tính: Phỏng vấn sâu với 09 đối tượng (gồm ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên hỗ trợ GDHN) để làm rõ các nội dung liên quan đến hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ GDHN.

Quan sát lớp học và hoạt động phòng hỗ trợ GDHN: Ghi nhận điều kiện cơ sở vật chất, cách tổ chức dạy học, hỗ trợ cá nhân hóa, không gian trị liệu, mức độ phối hợp với gia đình và cộng đồng.

Phân tích hồ sơ học sinh: Đánh giá các biểu mẫu kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP), hồ sơ can thiệp, nhật ký theo dõi tiến độ học tập và trị liệu.

2.2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ GDHN tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

a. Thực trạng thực hiện vai trò của phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập

Bảng 2: Thực trạng thực hiện vai trò của phòng hỗ trợ GDHN

(Khảo sát 60 cán bộ quản lý và giáo viên tại ba trường tiểu học, đơn vị tính: %)

Nội dung	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ		Xtb	Thứ bậc
	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%		
1. Hỗ trợ học tập	16	26.7	35	58.3	7	11.7	2	3.3	0	0.0	4.08	1
2. Tư vấn xây dựng KHGD cá nhân	12	20.0	30	50.0	11	18.3	6	10.0	1	1.7	3.78	2
3. Can thiệp chuyên biệt	8	13.3	28	46.7	16	26.7	6	10.0	2	3.3	3.43	3
4. Kết nối cộng đồng	6	10.0	24	40.0	16	26.7	10	16.7	4	6.6	3.10	4

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ thực hiện các vai trò của phòng hỗ trợ GDHN có sự phân hóa rõ rệt: *Hỗ trợ học tập* là vai trò được thực hiện tốt nhất, 85% giáo viên đánh giá ở mức “thường xuyên” và “rất thường xuyên”. Cung cấp tài liệu, thiết bị và điều chỉnh nội dung học tập để đáp ứng đa dạng nhu cầu học sinh có NCĐB đã được thực hiện tại các trường tiểu học. Việc hỗ trợ học tập là nhiệm vụ cơ bản và dễ triển khai nhất trong môi trường GDHN. *Tư vấn xây dựng kế hoạch giáo dục*

cá nhân (IEP) xếp thứ hai, có 70% ý kiến đánh giá hoạt động này đã dần được thực hiện ở một số trường có chuyên viên hỗ trợ. Tuy nhiên, tỷ lệ “thỉnh thoảng” và “hiếm khi” vẫn chiếm gần 30%, phản ánh thực tế rằng nhiều trường còn thiếu người phụ trách chuyên sâu để tư vấn đúng quy trình, đặc biệt ở trường công lập. Khi tìm hiểu nguyên nhân thực trạng, bà N.T.T.N phụ trách phòng hỗ trợ GDHN trường Acedemy cho rằng “nhà trường còn thiếu công cụ chuẩn hóa và nhân sự được đào tạo bài bản về xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh có NCĐB”

*Can thiệp chuyên biệt (ngôn ngữ, vận động, cảm xúc...) và kết nối cộng đồng, phụ huynh lần lượt xếp thứ 3, thứ 4: Có 60% giáo viên đánh giá phòng hỗ trợ thực hiện thường xuyên các biện pháp can thiệp chuyên sâu, gần 30% đánh giá ở mức thỉnh thoảng. Điều này cho thấy sự thiếu hụt lớn về thiết bị và nhân lực trị liệu chuyên biệt, nhất là trong lĩnh vực tâm lý học đường và ngôn ngữ trị liệu. Trường công lập chưa có phòng trị liệu đúng chuẩn hoặc chuyên gia hỗ trợ định kỳ. 50% đánh giá ở mức “thường xuyên” vai trò *Kết nối cộng đồng và phụ huynh*, 23.3% đánh giá phòng hỗ trợ thực hiện việc này ở mức “hiếm khi” hoặc “không bao giờ”. Lý do chính là do thiếu hành lang pháp lý, nhân sự điều phối, và cơ chế phối hợp liên ngành để huy động sự tham gia của phụ huynh, y tế và các tổ chức xã hội.*

2.2.2.2. Thực trạng đánh giá hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập

Dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ GDHN, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng thực hiện các tiêu chuẩn, kết quả thu được như sau:

Bảng 3: Thực trạng thực hiện các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ GDHN

Tiêu chuẩn	Tiêu chí đánh giá	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ		TB	Thứ bậc
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %		
1. Đáp ứng nhu cầu của học sinh có NCĐB	1.1 Xây dựng và thực hiện IEP	12	20.0	30	50.0	11	18.3	6	10.0	1	1.7	3.77	2
	1.2 Hỗ trợ học tập phù hợp	16	26.7	35	58.3	7	11.7	2	3.3	0	0.0	4.08	1
2. Chất lượng môi trường học tập	2.1 Cơ sở vật chất, thiết bị	6	10.0	12	20.0	22	36.7	15	25.0	5	8.3	2.98	8
	2.2 Không gian hỗ trợ thân thiện	9	15.0	18	30.0	17	28.0	12	20.0	4	7.0	3.26	5
	2.3 Môi trường tâm lý an toàn	7	12.0	17	28.0	19	32.0	11	18.0	6	10.0	3.14	6
3. Năng lực chuyên môn và phối hợp liên ngành	3.1 Nhân sự được đào tạo về GDHN	5	8.0	10	17.0	24	40.0	15	25.0	6	10.0	2.88	9
	3.2 Phối hợp giữa giáo viên, phụ huynh, chuyên gia	6	10.0	13	22.0	23	38.0	12	20.0	6	10.0	2.92	7
4. Tổ chức và quản lý hoạt động	4.1 Có quy trình rõ ràng, biểu mẫu đầy đủ	6	10.0	12	20.0	22	36.0	14	24.0	6	10.0	2.96	8
	4.2 Theo dõi, đánh giá tiến độ HS	5	9.0	11	18.0	23	38.3	14	23.3	7	11.7	2.90	10
5. Tính hiệu quả	5.1 Cải thiện kết quả học tập HS	11	18.0	21	35.0	18	30.0	7	12.0	3	5.0	3.49	4

và tác động thực tiễn	5.2 Tăng năng lực sư phạm hòa nhập của GV	9	15.0	18	30.0	19	32.0	9	15.0	5	8.0	3.19	7
-----------------------	---	---	------	----	------	----	------	---	------	---	-----	------	---

a) *Đánh giá hiệu quả thực hiện tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu của học sinh có nhu cầu đặc biệt*

Tiêu chuẩn 1 được đánh giá là tiêu chuẩn có mức độ thực hiện cao nhất trong hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả phòng hỗ trợ GDHN, điểm trung bình của hai tiêu chí thành phần lần lượt là 4.08 (tiêu chí hỗ trợ học tập phù hợp); 3.77 (tiêu chí xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân - IEP) đứng đầu bảng xếp hạng các tiêu chí khảo sát.

Tiêu chí Hỗ trợ học tập phù hợp: là tiêu chí đạt mức điểm trung bình cao nhất (4.08), 85% người trả lời khảo sát đánh giá ở mức “rất thường xuyên” hoặc “thường xuyên”, không có ý kiến nào đánh giá ở mức “không bao giờ”. Điều này phản ánh mức độ chủ động và tính khả thi cao của hoạt động hỗ trợ học tập trong điều kiện thực tế của các nhà trường. Qua quan sát tại ba trường khảo sát, đặc biệt là tại Trường Liên cấp Academy, giáo viên đã triển khai nhiều hình thức hỗ trợ học tập đa dạng như: điều chỉnh nội dung học tập, phân nhóm nhiệm vụ, thiết kế góc học tập riêng và áp dụng các trò chơi học tập có tính cá nhân hóa. Ở các trường công lập như Dịch Vọng A và B, hoạt động hỗ trợ học tập được lồng ghép trực tiếp vào giờ học chính khóa thông qua việc giảm tải nội dung, điều chỉnh yêu cầu đánh giá và tăng cường hướng dẫn cá nhân. Tiêu chí hỗ trợ học tập có tính chủ động cao và ít phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài như cơ sở vật chất hay sự phối hợp liên ngành, nên được giáo viên triển khai thường xuyên hơn.

Tiêu chí Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP): Kết quả khảo sát cho thấy 70% cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá việc xây dựng và thực hiện IEP ở mức “rất thường xuyên” và “thường xuyên”, trong khi tỷ lệ đánh giá “hiếm khi” và “không bao giờ” chỉ chiếm lần lượt 10.0% và 1.7%. Tuy nhiên, qua phỏng vấn sâu bà N.T.N, cán bộ quản lý Trường Tiểu học Dịch Vọng A cho rằng “*việc cập nhật thường xuyên IEP vẫn phụ thuộc nhiều vào năng lực và thời gian của giáo viên chủ nhiệm, do chưa có chuyên viên chuyên trách hỗ trợ.*” Nguyên nhân của thực trạng này là do thiếu nhân sự chuyên môn về giáo dục đặc biệt, sự hạn chế trong công tác bồi dưỡng thường xuyên và thiếu các công cụ đánh giá – lập kế hoạch cá nhân chuẩn hóa.

Như vậy, có thể thấy tiêu chuẩn 1 là tiêu chuẩn được đánh giá cao nhất trong các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng chất lượng thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân vẫn còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như năng lực giáo viên, cơ chế chuyên môn và hệ thống tài liệu hướng dẫn. Tiêu chí hỗ trợ học tập đang được triển khai hiệu quả hơn nhờ sự chủ động và linh hoạt trong tổ chức dạy học của giáo viên. Do đó, để nâng cao hiệu quả bền vững, cần tiếp tục đầu tư xây dựng đội ngũ chuyên môn, chuẩn hóa quy trình lập kế hoạch cá nhân, đồng thời phát huy các hình thức hỗ trợ học tập phù hợp và thực tiễn tại lớp học hòa nhập.

b) *Đánh giá hiệu quả thực hiện tiêu chuẩn chất lượng môi trường học tập hòa nhập*

Tiêu chuẩn 2 được đánh giá ở mức trung bình khá, điểm trung bình dao động từ 2.98 đến 3.26 cho ba tiêu chí thành phần. Kết quả khảo sát cho thấy sự nỗ lực nhất định của các trường trong việc xây dựng môi trường học tập phù hợp cho học sinh có NCĐB, dù còn tồn tại nhiều khác biệt về điều kiện triển khai giữa các loại hình cơ sở giáo dục.

Tiêu chí cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp: Tiêu chí này có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm (2.98, thứ 8/11), 30% giáo viên đánh giá ở mức “rất thường xuyên” hoặc “thường xuyên”, 33.3% phản hồi ở mức “hiếm khi” hoặc “không bao giờ”. Kết quả trên cho thấy tại các trường tiểu học còn thiếu phòng chức năng, thiết bị hỗ trợ trị liệu và công cụ can thiệp cá nhân. Qua tìm hiểu thực tế, tại Trường Liên cấp Academy đã bố trí phòng can thiệp bán chuyên phục vụ các hoạt động trị liệu ngôn ngữ, điều chỉnh hành vi và hỗ trợ cá nhân hóa. Các trường công lập như trường Dịch Vọng B tổ chức hỗ trợ ngay tại lớp học chính khóa do không có không gian tách biệt, dẫn đến giảm hiệu quả can thiệp chuyên biệt và làm tăng gánh nặng cho giáo viên chủ nhiệm.

Tiêu chí không gian hỗ trợ thân thiện, an toàn: 45% giáo viên đánh giá ở mức thường xuyên trở lên, 27% cho rằng chỉ thực hiện “hiếm khi” hoặc “không bao giờ”. Dù chưa có phòng chuyên biệt, nhưng đã linh hoạt thiết kế các khu vực hỗ trợ trong lớp học hoặc tận dụng góc học tập sẵn có. Phòng vấn bà V.T.H, giáo viên hỗ trợ tại trường tiểu học Dịch Vọng B cho rằng: “Chúng tôi cố gắng tổ chức góc yên tĩnh cho học sinh có NC ĐB, nhưng do thiếu phòng chức năng nên chỉ thực hiện lồng ghép trong lớp học chung”. Thực tế này cho thấy tính linh hoạt trong triển khai tại cơ sở.

Tiêu chí môi trường tâm lý an toàn: Tiêu chí này có điểm trung bình 3.14, tương đương với mức đánh giá trung bình – khá. 40% giáo viên đánh giá ở mức “rất thường xuyên” hoặc “thường xuyên”, 28% ở mức “hiếm khi” hoặc “không bao giờ”. Việc xây dựng môi trường tâm lý tích cực thể hiện qua Vòng tay bạn bè, nhóm hỗ trợ bạn cùng tiến, sinh hoạt nhóm... tuy đã được thực hiện ở một số trường, nhưng chưa trở thành hoạt động có tính hệ thống, chưa có chính sách cụ thể về bảo vệ học sinh dễ tổn thương trước nguy cơ bị tách biệt hoặc kỳ thị. Việc tạo dựng môi trường cảm xúc an toàn vẫn đang phụ thuộc chủ yếu vào năng lực và nhận thức cá nhân của giáo viên, chưa có cơ chế điều phối hoặc giám sát từ nhà trường.

c) Đánh giá hiệu quả thực hiện tiêu chuẩn năng lực chuyên môn và phối hợp liên ngành

Tiêu chuẩn 3 là nhóm có điểm trung bình thấp nhất trong toàn bộ hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN, điểm số trung bình lần lượt là 2.88 (tiêu chí về nhân sự chuyên trách) và 2.92 (tiêu chí phối hợp liên ngành), xếp thứ 9 và 7 trong tổng số 11 tiêu chí.

Tiêu chí nhân sự chuyên trách và được đào tạo về giáo dục hòa nhập: 25% cán bộ quản lý và giáo viên cho biết tiêu chí này được thực hiện ở mức “rất thường xuyên” hoặc “thường xuyên”, 40% “thỉnh thoảng” và 35% đánh giá ở mức “hiếm khi” hoặc “không bao giờ”. Điều này phản ánh sự thiếu hụt nghiêm trọng về nguồn nhân lực chuyên môn – bao gồm giáo viên hỗ trợ, chuyên viên trị liệu, cán bộ tư vấn học đường – tại hầu hết các cơ sở tiểu học công lập. Qua phỏng vấn bà H.T.H giáo viên chủ nhiệm tại Trường Tiểu học Dịch Vọng A chia sẻ: “Chúng tôi gần như phải tự học cách làm việc với học sinh khuyết tật. Nhà trường không có chuyên gia cố định, cũng không có nhiều hoạt động tổ chức tập huấn định kỳ.” Giáo viên có tinh thần trách nhiệm nhưng thiếu nền tảng chuyên môn.

Tiêu chí phối hợp giữa giáo viên, phụ huynh và chuyên gia: Đạt mức điểm trung bình 2.92, phản ánh mức độ thực hiện còn rất hạn chế. 32% giáo viên đánh giá tiêu chí phối hợp liên ngành ở mức “thường xuyên” hoặc “rất thường xuyên”, gần 40% chọn “thỉnh thoảng”, và 20% đánh giá “hiếm khi”, 10% “không bao giờ”. Bà T.N, cán bộ quản lý tại Trường Liên cấp Academy cho rằng: “Nhà trường chưa thiết lập được cơ chế hợp tác thường xuyên với các tổ chức y tế hay chuyên gia trị liệu. Hiện nay, hoạt động phối hợp chủ yếu do giáo viên chủ nhiệm tự liên hệ nếu có nhu cầu.” Sự phối hợp còn mang tính cá nhân, tự phát, thiếu một cơ chế điều phối chính thức từ phía nhà trường.

d) Đánh giá hiệu quả thực hiện tiêu chuẩn tổ chức và quản lý hoạt động phòng hỗ trợ GDHN

Tiêu chuẩn 4 phản ánh năng lực thiết kế và vận hành hệ thống của phòng hỗ trợ GDHN, bao gồm quy trình hoạt động và hệ thống theo dõi – giám sát học sinh có NC ĐB. Tiêu chí về quy trình và biểu mẫu (xếp thứ 8/11), tiêu chí theo dõi tiến độ học sinh (xếp thứ 10/11), kết quả nghiên cứu cho thấy còn nhiều bất cập trong tổ chức hành chính và quản lý hồ sơ chuyên môn tại 03 trường tiểu học.

Tiêu chí có quy trình vận hành rõ ràng, hệ thống biểu mẫu đầy đủ: 30% ý kiến cho biết tiêu chí này được thực hiện ở mức “rất thường xuyên” hoặc “thường xuyên”, 34% đánh giá ở mức “hiếm khi” hoặc “không bao giờ”. Việc xây dựng quy trình chuẩn hóa – bao gồm các bước phát hiện, đánh giá, lập kế hoạch, tổ chức can thiệp và theo dõi – chưa trở thành một hoạt động chuyên môn thống nhất tại các trường tiểu học hiện nay. Bà N.T.D giáo viên chủ nhiệm trường Tiểu học Dịch Vọng B chia sẻ: “Chúng tôi phải tự tạo biểu mẫu đánh giá IEP cho lớp mình, vì nhà trường chưa thống nhất mẫu chung.” Điều này dẫn đến sự chênh lệch lớn về chất lượng hồ sơ chuyên môn giữa các lớp, giữa các trường, làm ảnh hưởng đến tính liên tục và hiệu quả

của quá trình hỗ trợ. Nguyên nhân chính của thực trạng này là thiếu tài liệu hướng dẫn chuyên biệt từ cấp quản lý giáo dục, và đặc biệt là thiếu đội ngũ cán bộ quản lý chuyên trách trong lĩnh vực GDHN tại trường học. Sự thiếu đồng bộ trong quy trình còn dẫn đến khó khăn trong công tác kiểm tra, đánh giá và tổng hợp báo cáo định kỳ.

Tiêu chí theo dõi và đánh giá tiến độ học sinh: Tiêu chí này có điểm trung bình thấp (2.90, xếp hạng 10), với 27% ý kiến đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và rất thường xuyên, 35% ý kiến cho biết tiêu chí này chỉ được thực hiện ở mức “thỉnh thoảng” hoặc “hiếm khi”. Tại các trường khảo sát, hồ sơ theo dõi và đánh giá tiến độ của học sinh được thực hiện ở những lớp có giáo viên tích cực hoặc có kinh nghiệm cá nhân, nhiều học sinh chưa có giấy chứng nhận khuyết tật nên còn tuân theo các quy định đánh giá chung của học sinh tiểu học. Ngoài ra, việc thiếu phần mềm hỗ trợ quản lý dữ liệu hoặc hệ thống hồ sơ điện tử khiến cho công tác lưu trữ và truy xuất thông tin học sinh chưa hiệu quả, ảnh hưởng đến tính kế thừa và khả năng can thiệp liên tục giữa các cấp học, các năm học hoặc giữa các giáo viên khác nhau.

e) Đánh giá hiệu quả thực hiện tiêu chuẩn Tính hiệu quả và tác động thực tiễn

Tiêu chuẩn 5 phản ánh mức độ ảnh hưởng thực tế của phòng hỗ trợ GDHN đối với học sinh có NCĐB và đội ngũ giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học hòa nhập. Điểm trung bình lần lượt là 3.49 (Cải thiện kết quả học tập và hành vi của học sinh) và 3.19 (Tăng cường năng lực sự phạm hòa nhập cho giáo viên) tiêu chuẩn này đạt mức khá, nhưng thiếu tính ổn định và hiệu lực đồng đều giữa các cơ sở giáo dục.

Tiêu chí cải thiện kết quả học tập và hành vi của học sinh: Theo khảo sát, 53% giáo viên cho rằng GDHN đã góp phần cải thiện kết quả học tập và hành vi của học sinh có NCĐB, 30% đánh giá ở mức “thỉnh thoảng” và 17% cho rằng hiệu quả chưa rõ ràng hoặc không xảy ra. Điều này phản ánh tác động tích cực có điều kiện, phụ thuộc vào chất lượng tổ chức, mức độ phối hợp và năng lực chuyên môn của đội ngũ hỗ trợ tại từng trường. Quan sát và phân tích hồ sơ học sinh tại các trường cho thấy, những học sinh được xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) cụ thể, có sự theo dõi tiến độ chặt chẽ và can thiệp đúng lúc thường có tiến bộ rõ nét về mặt hành vi, kỹ năng học tập và khả năng hòa nhập xã hội. Tuy nhiên, tại những cơ sở không có quy trình hỗ trợ ổn định hoặc thiếu nhân sự chuyên môn, tác động của phòng hỗ trợ GDHN đến học sinh vẫn mang tính rời rạc, khó lượng hóa, và đôi khi chỉ dừng lại ở mức độ chăm sóc cơ bản.

Tiêu chí tăng cường năng lực sự phạm hòa nhập cho giáo viên: Tiêu chí này có điểm trung bình thấp hơn (3.19, xếp hạng 7/11), 45% giáo viên cho biết họ cảm thấy đủ tự tin để dạy học hòa nhập nếu không có người hỗ trợ đi kèm. Điều này cho thấy dù phòng hỗ trợ có vai trò quan trọng trong hỗ trợ chuyên môn, nhưng hiệu ứng lan tỏa đến đội ngũ giáo viên chưa rõ rệt, đặc biệt là tại các trường không tổ chức tập huấn nội bộ hoặc thiếu chia sẻ kinh nghiệm giữa giáo viên chủ nhiệm và giáo viên hỗ trợ. Phỏng vấn cô T.T.H giáo viên tại Trường Liên cấp Academy cho thấy: “*Khi có sự phối hợp của phòng hỗ trợ, tôi tự tin hơn nhiều trong việc điều chỉnh nội dung học và hỗ trợ hành vi*”.

Tiêu chuẩn 5 phản ánh một tác động tích cực nhưng chưa toàn diện và còn thiếu nhất quán giữa các trường. Để nâng cao tính hiệu quả và tác động thực tiễn của phòng hỗ trợ GDHN, cần thực hiện các giải pháp đồng bộ như: Chuẩn hóa tiêu chí đánh giá kết quả học sinh có NCĐB; Tăng cường giám sát tiến độ can thiệp; Phát triển chương trình bồi dưỡng năng lực sự phạm theo hướng thực hành – trải nghiệm cho giáo viên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Cầu Giấy hiện nay đang ở mức trung bình khá, với sự phân hóa rõ rệt giữa các tiêu chuẩn. Trong đó, tiêu chuẩn 1 – Đáp ứng nhu cầu của học sinh có nhu cầu đặc biệt đạt mức cao nhất, đặc biệt ở tiêu chí hỗ trợ học tập phù hợp, nhờ tính khả thi và khả năng thực hiện chủ động của giáo viên. Tiêu chuẩn 5 – Tính hiệu quả và tác động thực tiễn cũng cho thấy tín hiệu tích cực, tuy nhiên hiệu quả vẫn chưa ổn định và thiếu sự lan tỏa đồng đều giữa các trường. Ngược lại, tiêu chuẩn 3 – Năng lực chuyên môn và phối hợp liên ngành được đánh giá thấp nhất, phản ánh rõ sự thiếu hụt nhân sự chuyên trách, hạn chế trong phối hợp liên ngành và sự tự phát trong triển khai. Tiêu chuẩn 2 – Chất lượng môi trường học tập và tiêu chuẩn 4 – Tổ

chức và quản lý hoạt động cho thấy nhiều bất cập về mặt cơ sở vật chất, quy trình chuyên môn và hệ thống hồ sơ quản lý học sinh, nhất là ở các trường công lập chưa có điều kiện đầu tư đồng bộ.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định: việc duy trì và nâng cao hiệu quả của phòng hỗ trợ GDHN đòi hỏi chiến lược đầu tư tổng thể, bao gồm phát triển đội ngũ chuyên môn, xây dựng quy trình phối hợp liên ngành, chuẩn hóa hệ thống công cụ và hồ sơ, đồng thời tăng cường đánh giá tác động thực tiễn đối với cả học sinh và giáo viên.

2.2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN

Hiệu quả hoạt động của phòng hỗ trợ GDHN tại các trường tiểu học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có thể chia thành hai nhóm chính: yếu tố bên trong (nội tại trường học) và yếu tố bên ngoài (môi trường chính sách – xã hội). Dưới đây là các yếu tố nổi bật đã được xác định thông qua khảo sát và phỏng vấn sâu.

Yếu tố bên trong: Thiếu nhân lực chuyên môn sâu (60%): Đa số giáo viên và cán bộ quản lý thừa nhận rằng đội ngũ hiện tại chủ yếu là giáo viên chủ nhiệm hoặc kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản về giáo dục đặc biệt, kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) hay các kỹ thuật can thiệp chuyên biệt. Điều này khiến nhiều chức năng của phòng hỗ trợ không thể triển khai hiệu quả, đặc biệt là các hoạt động trị liệu ngôn ngữ, hành vi hoặc tâm lý. **Quy trình hoạt động chưa chuẩn hóa (50%):** Một nửa số trường khảo sát chưa có hướng dẫn cụ thể về việc phát hiện học sinh NCĐB, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân hóa (IEP), thực hiện và đánh giá tiến độ học sinh. Việc thiếu quy trình chuẩn dẫn tới tình trạng mỗi giáo viên tự xoay xở theo kinh nghiệm cá nhân, thiếu tính hệ thống và hiệu quả lâu dài.

Yếu tố bên ngoài: Thiếu chính sách hỗ trợ cụ thể (70%): Đây là yếu tố ảnh hưởng nghiêm trọng nhất. Các trường phản ánh rằng chưa có văn bản pháp lý cụ thể quy định rõ mô hình phòng hỗ trợ, nhân sự cần thiết, chế độ tài chính hay chỉ tiêu đánh giá hiệu quả. Thiếu hành lang pháp lý khiến phòng hỗ trợ ở nhiều nơi không có cơ sở vận hành đúng chuẩn, dễ bị xem nhẹ hoặc không được duy trì lâu dài. **Nhận thức xã hội còn hạn chế (60%):** Bà H. T. H, giáo viên chủ nhiệm lớp 3 trường tiểu học Dịc Vọng A cho rằng “*Nhiều phụ huynh vẫn e ngại khi con em mình học cùng lớp với học sinh khuyết tật, trong khi cộng đồng chưa thực sự hiểu đúng về GDHN*”. Điều này làm giảm sự hợp tác giữa nhà trường với gia đình, tổ chức xã hội và các lực lượng hỗ trợ từ bên ngoài, ảnh hưởng trực tiếp đến tính liên ngành – yếu tố cốt lõi của một mô hình GDHN toàn diện.

Các yếu tố bên trong như thiếu nhân lực và quy trình vận hành thiếu chuẩn hóa làm giảm khả năng tổ chức hiệu quả các chức năng hỗ trợ học sinh có NCĐB trong trường học. Các yếu tố bên ngoài – đặc biệt là chính sách và nhận thức xã hội – có ảnh hưởng lâu dài và sâu sắc đến sự tồn tại và phát triển bền vững của phòng hỗ trợ GDHN. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, cần có giải pháp đồng bộ từ cả hai phía: tăng cường nội lực trường học và hoàn thiện môi trường chính sách – cộng đồng.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy các phòng hỗ trợ GDHN tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Cầu Giấy, Hà Nội đã bước đầu được hình thành và nhận được sự đồng thuận cao từ đội ngũ giáo viên về vai trò và tầm quan trọng trong hỗ trợ học sinh có NCĐB. Sự hiện diện của phòng hỗ trợ, dù ở mức độ cơ bản, đã góp phần cải thiện môi trường học tập, nâng cao nhận thức sư phạm và hỗ trợ bước đầu cho các hoạt động cá nhân hóa giáo dục.

Tuy nhiên, hiệu quả thực tiễn của các phòng hỗ trợ hiện nay còn ở mức hạn chế. Những điểm yếu phổ biến bao gồm: thiếu nhân lực chuyên môn sâu (chuyên viên trị liệu, chuyên gia xây dựng IEP), điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu can thiệp đặc thù, chưa có quy trình vận hành thống nhất và thiếu hành lang pháp lý cho cơ chế phối hợp liên ngành giữa nhà trường, y tế và cộng đồng. Một số chức năng quan trọng như trị liệu tâm lý, đánh giá chuyên biệt và kết nối dịch vụ hỗ trợ ngoài nhà trường còn mang tính hình thức hoặc chưa được triển khai.

Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu khuyến nghị đề xuất các giải pháp trọng tâm như sau:

Chuẩn hóa mô hình tổ chức phòng hỗ trợ GDHN tại các trường tiểu học theo quy định pháp lý hiện hành, bao gồm định biên nhân sự, chức năng chuyên môn, hình thức tổ chức linh hoạt và phù hợp theo từng điều kiện cơ sở.

Bổ sung nguồn lực có chuyên môn: Tuyển dụng giáo viên chuyên ngành giáo dục đặc biệt, giáo dục hòa nhập hoặc hợp tác với các chuyên gia trị liệu ngôn ngữ, vận động, tâm lý; đồng thời đầu tư trang thiết bị, phần mềm, tài liệu học tập phù hợp với từng dạng tật và cấp độ khó khăn của học sinh.

Tăng cường phối hợp liên ngành giữa nhà trường – y tế học đường – trung tâm can thiệp – hội phụ huynh – tổ chức xã hội, thông qua các cơ chế kết nối, đào tạo chung và giám sát lẫn nhau, nhằm tạo ra hệ sinh thái hỗ trợ bền vững.

Thiết lập khung đánh giá hiệu quả hoạt động phòng hỗ trợ GDHN ở cấp cơ sở theo các tiêu chí cụ thể: mức độ đáp ứng nhu cầu học sinh, chất lượng dịch vụ, môi trường học tập, khả năng kết nối chuyên môn và sự tiến bộ của học sinh NCĐB. Khung đánh giá này cần gắn với công cụ đo lường định lượng – định tính và được cập nhật thường xuyên.

Những khuyến nghị trên không chỉ có ý nghĩa cải thiện hoạt động hỗ trợ GDHN tại địa bàn nghiên cứu, mà còn có thể tham khảo và nhân rộng trong các bối cảnh giáo dục tương tự trên cả nước, hướng đến một nền giáo dục hòa nhập thực sự toàn diện, bao trùm và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNICEF(1989), *Convention on the Rights of the Child*. United Nations. <https://www.unicef.org/child-rights-convention>
2. Nguyễn Xuân Hải (2012), *Quản lý giáo dục hòa nhập*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
3. Phạm Minh Mục, Vương Hồng Tâm, Nguyễn Thị Kim Hoa (2012), *Cẩm nang xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2019), *Giáo trình Giáo dục hòa nhập*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 ban hành quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật*, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2025), Quyết định số 403/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc *Phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên nghiệp đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội
8. Bộ Y tế (2014), *Hướng dẫn phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ khuyết tật*, Hà Nội.
9. Thomas, A (2011), *Multiple Intelligences in the Classroom* (3rd ed.), Alexandria, VA: ASCD, (Bản dịch tiếng Việt: *Đa trí tuệ trong lớp học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

ASSESSING THE EFFECTIVENESS OF INCLUSIVE EDUCATION SUPPORT CENTERS FOR STUDENTS WITH SPECIAL NEEDS AT PRIMARY SCHOOLS IN CAU GIAY DISTRICT, HANOI CITY

Abstract: This study focuses on evaluating the effectiveness of inclusive education support rooms at three primary schools in Cau Giay District, Hanoi. By employing a mixed-methods approach—including quantitative surveys of 60 school administrators and teachers, as well as qualitative interviews, classroom observations, and analysis of student records—the study analyzes the implementation level of five key standards for assessing effectiveness: responsiveness to students' needs, quality of the learning environment, professional competence and intersectoral collaboration, organizational and management practices, and practical impact. The findings indicate that criteria